

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **08/2018/DS-ST**  
Ngày: 09-11-2018  
V/v “Tranh chấp kiện đòi tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T – TỈNH Đ**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Ông **Lê Đăng Tổ**

***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông **Lê Dũng Phương**

Ông **Trịnh Ngọc Thành**

***Thư ký phiên tòa:*** Ông **Nguyễn Bá Đại** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đ.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Đ tham gia phiên tòa:*** Ông **Phạm Hữu Huỳnh** - Kiểm sát viên.

Ngày 09/11/2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2018/TLST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2018, về việc “Tranh chấp kiện đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2018/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2018/QĐST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà **Lê Thị Hoài L**, sinh năm 1950; Địa chỉ: Số nhà 59/9, Tổ 6, ấp Phú Lập, xã Phú Bình, huyện T, tỉnh Đ (có mặt).

- ***Bị đơn:*** Bà **Trần Thị Minh N**, sinh năm 1961; Địa chỉ: Số nhà 2276, Tổ 1, ấp Phương Mai 2, xã Phú Lâm, huyện T, tỉnh Đ (vắng mặt).

- ***Người làm chứng:*** Chị **Bùi Thị P**, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số nhà 42, Đường số 5, Thôn 3, xã Nghi Đức, huyện Tánh L, tỉnh B (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/5/2018, bổ sung ngày 21/5/2018, các lời trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Hoài L trình bày:*

Vào năm 2015, bà L làm thuê tại nhà nghỉ do bà Trần Thị Minh N làm chủ, mỗi tháng được trả số tiền lương là 2.400.000đ, tổng cộng số tiền lương 04 (Bốn) tháng của bà là 9.600.000đ, bà L đưa thêm cho bà N 400.000đ để mua một chân hụi với số tiền 10.000.000đ do bà N làm chủ hụi.

Vào khoảng ngày 15/7/2015, tại nhà nghỉ của bà N có mặt bà L, bà N và chị Bùi Thị P. Tại đây, bà N đọc cho chị P viết giấy vay tiền với nội dung chị P vay của bà L số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 12 (mười hai) tháng, lãi suất theo thỏa thuận. Sau khi viết xong, chị P ký và ghi họ tên vào bên phần mục “người vay”, bà L ký và ghi họ tên vào phần mục “người cho vay”, bà N ký và ghi họ tên vào phần mục

“người nhân chứng”. Bà N xác định các chữ ký và chữ viết nêu trên đúng là do bà, bà N và chị P tự tay viết và ký ra.

Tuy nhiên, theo bà L, trên thực tế không có việc bà L cho chị P vay số tiền 10.000.000đ như trong “Giấy vay tiền” thể hiện. Liên quan đến “Giấy vay tiền” đề ngày 15/7/2015 bà L cho rằng, do chị P có vay tiền của bà N nhưng không còn khả năng thanh toán nợ, với mục đích để không phải thực hiện thanh toán số tiền 10.000.000đ mà bà đã mua 01 (một) chân hụi (do bà N làm chủ hụi), nên bà N yêu cầu chị P lập “Giấy vay tiền” với nội dung chị P vay của bà số tiền 10.000.000đ. Nghĩa là chuyển nghĩa vụ thanh toán số tiền 10.000.000đ cho bà, từ bà N sang cho chị P.

Ngay sau khi lập xong “Giấy vay tiền”, bà N đưa cho bà L giữ bản chính tài liệu này, bà L thắc mắc lý do lập giấy vay tiền mà không thực hiện giao nhận tiền vay thì bà N giải thích, chị P đã vay tiền trước đó rồi, lấy làm gì nữa. Bà N còn nói thêm với bà rằng, chị P làm ăn uy tín nên khuyên bà L yên tâm, bà N cũng đứng ra nhận bảo lãnh số tiền vay của chị P đối với bà L. Tất cả những diễn biến nêu trên thực tế như thế nào bà L khai vậy chứ không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh lời khai của mình.

Đến hạn thanh toán lãi, bà L theo sự chỉ dẫn của bà N, đến nhà chị P tại Ấp Thọ Lâm 2, xã Phú Thanh, huyện T để yêu cầu thanh toán tiền lãi, tại đây chị P xác định “Tôi vay tiền của chị N thì tôi trả tiền lãi cho chị N, bà về đi”. Bà L thừa nhận, bà có nhận hai lần tiền lãi của chị P với tổng số tiền 600.000đ.

Bà L xác định, thỏa thuận vay tiền giữa bà và chị P là không có thật, trên thực tế số tiền 10.000.000đ (tiền mua một chân hụi) vẫn do bà N giữ. Đến tháng 7/2016, bà L nghỉ việc và yêu cầu bà N phải trả lại cho bà số tiền 10.000.000đ. Bà N không đồng ý trả và xác định người nợ số tiền 10.000.000đ của bà L là chị P.

Nay bà L yêu cầu bà N phải trả lại cho bà số tiền mà bà N còn giữ là 10.000.000đ. Bà xác định, bà không yêu cầu gì đối với chị Bùi Thị P.

Liên quan tài sản là số tiền 10.000.000đ, bà L xác định đây là thỏa thuận riêng giữa bà và bà N, không liên quan đến chồng bà và chồng bà N, do đó, bà đề nghị Tòa án không đưa chồng bà và chồng bà N vào tham gia tố tụng trong vụ án này. Bà cũng không yêu cầu chồng bà N phải có nghĩa vụ liên đới trả tiền cho bà nếu yêu cầu của bà được Tòa án chấp nhận.

*Tại bản tường trình ngày 05/6/2018 (nộp tại Văn phòng Tòa án); Biên bản đối chất 02/11/2016 (do Tòa án thu thập từ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 106/2016/TLST-DS ngày 19/10/2016) bị đơn bà Trần Thị Minh N trình bày:*

Vào tháng 7/2015 bà Lê Thị Hoài L cho chị Bùi Thị P vay tiền, hai bên trao đổi với nhau như thế nào bà không được biết. Nhưng sau khi chị P viết giấy vay nợ với bà L xong, thì có nhờ bà làm chứng, bà đồng ý và ký vào giấy vay tiền với tư cách là người làm chứng. Bản thân bà không ký nhận nợ thay cho chị Bùi Thị P. Sau thời gian chị P bỏ đi khỏi địa phương, do không tìm thấy địa chỉ của chị P nên bà Lê Thị Hoài L đã khiếu nại bà N đến Ủy ban nhân dân xã Phú Lâm, với nội dung bà còn nợ tiền của bà L.

Bà N xác định, bà đứng ra làm chứng cho thỏa thuận vay giữa bà L và chị P theo giấy vay tiền mà các bên đã lập. Số tiền 10.000.000đ trước đây bà L chơi một

chân hụi, bà đã trả cho bà L, từ đó bà L đưa số tiền này cho chị P vay. Việc chị P và bà L thanh toán lãi với nhau như thế nào bà không rõ. Bà N không thừa nhận đã đưa tiền lãi cho bà L như bà L đã khai.

Bà N khẳng định, bà không nợ tiền của bà L và không đồng ý trả số tiền 10.000.000đ theo yêu cầu của bà L. Do sức khỏe không đảm bảo, nên bà không có thời gian đến Tòa án làm việc, bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

*Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà L đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ sau đây:* Chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của bà L (bản phô tô); giấy chứng nhận ông Lê Văn Nhượng đã được thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Nhất đề ngày 14/3/1997 (bản phô tô); Bằng tổ quốc ghi công Liệt sỹ Lê Văn Nhường ngày 25/12/1978 (bản phô tô); 01 (Một) tấm hình (theo bà L đây là địa chỉ nhà chị P); giấy vay tiền đề ngày 15/7/2016, người cho vay Lê Thị Hoài L, người vay Bùi Thị P, được viết trên giấy kê ô li của học sinh (bản chính); Đơn xin xác nhận ngày 13/9/2016, Công an xã Phú Lâm xác nhận về hộ khẩu thường trú của bà N (bản chính); đơn xin xác nhận ngày 07/10/2016 Công an xã Phú Thanh xác nhận về hộ khẩu thường trú của chị Bùi Thị P (bản chính); đơn xin xác nhận ngày 06/10/2016 của bà L (bản chính); đơn tố cáo ngày 06/9/2016 của bà Lê Thị Hoài L (bản phô tô); Thông báo về việc hòa giải đơn tranh chấp dân sự số 95/TB-UBND ngày 18/8/2016 của UBND xã Phú Lâm (bản chính); biên bản làm việc ngày 01/8/2016 đối với bà Lê Thị Hoài L tại UBND xã Phú Lâm (bản chính); biên bản làm việc ngày 02/8/2016 đối với bà Trần Thị Minh N tại UBND xã Phú Lâm (bản chính); biên bản hòa giải ngày 18/8/2016 tại UBND xã Phú Lâm (bản chính); Thông báo số 88 ngày 06/9/2016 của Công an huyện T (bản chính); bản tự khai ngày 21/5/2015 của bà Lê Thị Hoài L (bản chính); bản tự khai đề ngày 05/9/2018 của bà Lê Thị Hoài L (bản chính).

*Để chứng minh cho ý kiến của mình, bị đơn bà Trần Thị Minh N đã nộp tài liệu, chứng cứ sau đây:* Bản tường trình đề ngày 05/6/2018.

*Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập những tài liệu, chứng cứ sau:* Biên bản ghi lời khai ngày 21/5/2018 đối với bà Lê Thị Hoài L (bản chính); Biên bản ghi lời khai ngày 31/5/2018 đối với bà Lê Thị Hoài L (bản chính); Đơn khởi kiện đề ngày 06/10/2016 của bà L về việc bà N cấu kết với bà P mượn tiền (bản sao); Thông báo thụ lý số 106/2016/TB-TLVA ngày 19/10/2016 của Tòa án nhân dân huyện T (bản sao); Văn bản ý kiến đề ngày 27/10/2016 của bà Trần Thị Minh N (bản sao); Bản tường trình của bà Trần Thị Minh N đề ngày 20/12/2016 (bản sao); Bản tự khai đề ngày 02/11/2016 của bà Trần Thị Minh N (bản sao); bản làm việc đề ngày 20/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện T đối với bà Trần Thị Minh N (bản sao); Biên bản đối chất đề ngày 02/11/2015 của Tòa án nhân dân huyện T đối với bà Trần Thị Minh N (bản sao); Biên bản hòa giải đề ngày 02/11/2016 của Tòa án nhân dân huyện T (bản sao); Đơn xin rút đơn khởi kiện đề ngày 20/12/2016 của bà Lê Thị Hoài L (bản sao); Quyết định số 63/2016/QĐST-DS ngày 20/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện T (bản sao); Biên bản xác minh ngày 31/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tánh L, tỉnh B; Biên bản xác minh ngày 31/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tánh L, tỉnh B; Biên bản ghi lời khai ngày 13/9/2018 đối với bà Lê Thị Hoài L (bản chính). Tòa án đã ban hành thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự biết.

Tại phiên tòa, bà L không thừa nhận lời khai của bà N. Bà L lập luận, lý lẽ cho rằng, quá trình yêu cầu bà N trả số tiền 10.000.000đ, tại Công an xã Phú Lâm, bà N khai, mặc dù không thấy bà N giao tiền cho chị P nhưng vẫn ký làm chứng, điều này là vô lý. Hơn nữa, theo bà L nếu bà không làm việc cho bà N, không đóng thêm số tiền 400.000đ để chơi một chân hụi, không ký giấy cho chị P vay số tiền 10.000.000đ, thì đến nay chị P vẫn còn nợ tiền của bà N, bà N có quyền đòi chị P số tiền này, riêng đối với số tiền 10.000.000đ, bà N vẫn còn giữ của bà nên bà đề nghị bà N phải có nghĩa vụ trả lại.

Tại phiên Tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Nguyên đơn khởi kiện không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Thị Hoài L khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Minh N trả lại số tiền 10.000.000đ do bà N chiếm giữ không có căn cứ pháp luật. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này được xác định là “Tranh chấp kiện đòi tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn bà N có nơi cư trú tại: Ấp Phương Mai 2, xã Phú Lâm, huyện T, tỉnh Đ, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà Trần Thị Minh N đã được Tòa án triệu tập tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về tư cách tham gia tố tụng: Liên quan đến tài sản là số tiền 10.000.000đ, bà L xác định đây là thỏa thuận riêng giữa bà và bà N, không liên quan đến chồng bà và chồng bà N, do đó, bà đề nghị Tòa án không đưa chồng bà và chồng bà N vào tham gia tố tụng trong vụ án này. Bà cũng không yêu cầu chồng bà N phải có nghĩa vụ liên đới trả tiền cho bà nếu yêu cầu của bà được Tòa án chấp nhận. Vì vậy, Tòa án không đưa ông Lê Cứu là chồng bà L và chồng bà N tham gia tố tụng trong vụ án này.

[4] Mặc dù trong “Giấy vay tiền” thể hiện “người vay” là chị Bùi Thị P, nhưng bà L xác định, bà không có yêu cầu gì đối với chị P trong vụ án này, nên Tòa án xác định chị P là người làm chứng.

[5] Về nội dung vụ án: Bà Lê Thị Hoài L khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Minh N phải trả lại cho bà số tiền 10.000.000đ, đây là số tiền mà bà đã mua một chân hụi (do bà N làm chủ hụi) (trong đó có 9.600.000đ là tiền công lao động bốn tháng của bà và số tiền 400.000đ bà đóng thêm).

[6] Bà L yêu cầu bà N thanh toán với lý lẽ và lập luận như sau: Do chị P còn nợ tiền bà N nhưng không còn khả năng thanh toán nợ, bà N biết việc này nên bà N

yêu cầu chị P lập “Giấy vay tiền” với nội dung chị P vay của bà N số tiền 10.000.000đ. Nghĩa là chuyển nghĩa vụ thanh toán số tiền 10.000.000đ từ bà N sang cho chị P. Tại Công an xã Phú Lâm, bà N khai, mặc dù không thấy bà N giao tiền cho chị P nhưng vẫn ký làm chứng, điều này là vô lý. Hơn nữa, theo bà L nếu bà không làm việc cho bà N, không đóng thêm số tiền 400.000đ để chơi một chân hụi, không ký giấy cho chị P vay số tiền 10.000.000đ, thì đến nay chị P vẫn còn nợ tiền của bà N, bà N có quyền đòi chị P số tiền này. Trên thực tế, tài sản là số tiền 10.000.000đ của bà (tiền hụi) vẫn do bà N giữ, chưa trả lại cho bà.

[7] Lời khai của nguyên đơn không được bị đơn thừa nhận, không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ do chính nguyên đơn cung cấp, không phù hợp với thực tế diễn biến của vụ án, cụ thể:

[8] Tại “Giấy vay tiền” lập ngày 15/7/2015, thể hiện người cho vay là “Lê Thị Hoài L”, người vay là “Bùi Thị P”, bà Trần Thị Minh N chỉ ký với tư cách người làm chứng. Hơn thế nữa, bà L cho rằng, không cho chị P vay tiền nhưng bản thân lại thừa nhận có nhận 02 (Hai) tháng tiền lãi của chị P với số tiền 600.000đ. Ngoài giấy vay tiền đã cung cấp cho Tòa án, bà L không còn tài liệu, chứng cứ gì khác để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình.

[9] Bị đơn, bà N thừa nhận bà L có gửi cho bà số tiền 10.000.000đ để đóng một chân hụi, nhưng sau đó bà đã trả lại; bà L đã dùng chính số tiền này để cho chị P vay, giữa bà L và chị P đã thỏa thuận với nhau về việc vay tiền và thanh toán lãi, bà chỉ ký vào giấy vay tiền với tư cách người làm chứng. Lời khai này của bà N phù hợp với tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp.

[10] Căn cứ vào nội dung giấy vay tiền cũng thể hiện rõ chị Bùi Thị P là người vay số tiền 10.000.000đ, lãi suất theo thỏa thuận, thời hạn vay mười hai tháng kể từ ngày 15/7/2015 đến ngày 15/7/2016, người cho vay là bà Lê Thị Hoài L, đối với bà Trần Thị Minh N ký vào giấy vay tiền với tư cách là người làm chứng. Chính nguyên đơn trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa thừa nhận, “Giấy vay tiền” lập ngày 15/7/2015 là do chị P tự tay viết và ký ra. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện bị đơn đề đòi số tiền 10.000.000đ là không đúng đối tượng. Lý lẽ, lập luận của nguyên đơn cho rằng thỏa thuận vay giữa bà và chị P là không có thật, thực tế là “âm mưu” nhằm trốn tránh nghĩa vụ thanh toán nợ của bà N không được bà N thừa nhận, không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác, nguyên đơn cũng không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh lời khai của mình.

[11] Từ những lý do nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn về việc kiện đòi bị đơn Trần Thị Minh N trả lại tài sản là số tiền 10.000.000đ là không có cơ sở chấp nhận.

[12] Về án phí: nguyên đơn bà Lê Thị Hoài L mặc dù không được chấp nhận yêu cầu nhưng thuộc trường hợp “người cao tuổi”, nên Hội đồng xét xử quyết định miễn nộp tiền án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm d khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15 và khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[13] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 235; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các điều 164, 166 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15 và khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

**1.** Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hoài L, về việc “Tranh chấp kiện đòi tài sản” là số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) đối với bị đơn bà Trần Thị Minh N.

**2.** Về án phí: Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà L.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**3.** Bà L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án. Bà N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện T;
- Chi cục THA huyện T;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Đăng Tố**